

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Hoàng Thị Cát Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2025, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 363/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim A, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã K, thị xã A, tỉnh H.

Địa chỉ hiện nay: 44/17 khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Bùi Anh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã K, thị xã A, tỉnh H.

Địa chỉ hiện nay: Ấp 3, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

Nơi làm việc: Công ty TNHH HS– đường N2, khu công nghiệp N5, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

(Chị A, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Trương Thị Kim A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thị xã A, tỉnh H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 11/01/2016.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc, rượu chè, thậm chí còn hành hung chị. Chị đã cho anh T nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không được. Anh chị sống ly thân từ khoảng tháng 06/2021 cho đến nay không hòa giải đoàn tụ, anh T cũng không lần nào đến thăm nom chăm sóc con chung, không phụ giúp chị nuôi con.

Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, chị yêu cầu giải quyết sớm vụ án vì anh T cố tình không hợp tác nhằm gây khó khăn, ảnh hưởng đến công việc của chị.

- Con chung: có 02 cháu là Bùi Thanh Th, sinh ngày 10/01/2017 và Bùi Thủy T1, sinh ngày 01/11/2018. Hiện nay chị và 02 con sinh sống tại khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đ, còn anh T đang sinh sống và làm việc tại huyện N, tỉnh Đ. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa và bận đi làm nên chị A xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Bị đơn anh Bùi Anh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, cũng không cung cấp chứng cứ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Trương Thị Kim A và anh Bùi Anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thị xã A, tỉnh H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 11/01/2016. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Bùi Thanh Th, sinh ngày 10/01/2017 và Bùi Thủy T1, sinh ngày 01/11/2018. Theo chị A khai thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T ham mê cờ bạc, rượu chè, thậm chí còn hành hung chị A nên từ

khoảng tháng 06/2021 vợ chồng sống ly thân. Nay chị A cương quyết ly hôn, đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Bị đơn anh Bùi Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, thể hiện anh không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị A. Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị Kim A đơn xin vắng mặt, anh Bùi Anh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Trương Thị Kim A yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bùi Anh T. Theo kết quả xác minh tại Đồn Công an khu công nghiệp N và cung cấp thông tin của Công ty TNHH HS thì hiện nay anh T đang làm việc tại Công ty HS - địa chỉ: đường N2, khu công nghiệp N5, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Trương Thị Kim A, bị đơn là anh Bùi Anh T.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Kim A và anh Bùi Anh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã K, thị xã A, tỉnh H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 11/01/2016 nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị A tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T ham mê cờ bạc, rượu chè, thậm chí còn hành hung chị A. Chị A đã cho anh T nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không được nên từ khoảng tháng 06/2021 vợ chồng sống ly thân nhau đến nay. Về phía anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án giao nộp chứng cứ, cũng không tham gia giải quyết vụ án thể hiện anh T không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị A.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho

chị A được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2]. Về con chung: Chị A khai chị và anh T có 02 con chung là Bùi Thanh Th, sinh ngày 10/01/2017 và Bùi Thủy T1, sinh ngày 01/11/2018. Ly hôn, chị A đề nghị được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy: Từ khi chị A và anh T sống ly thân thì cháu T1 và cháu Th sống cùng mẹ. Tại bản khai giao nộp cho Tòa án cháu Th và cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Mặt khác từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh T không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần giao 02 con chung chị A nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[3.3]. Tài sản chung: Chị A khai không có nên không xem xét.

[3.4]. Nợ chung: Chị A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị Trương Thị Kim A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 238, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Kim A về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Bùi Anh T.

1. Xử: Cho chị Trương Thị Kim A được ly hôn anh Bùi Anh T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 10/01/2017 và Bùi Thủy T1, sinh ngày 01/11/2018 cho chị Trương Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Bùi Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0022092 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị A đã nộp đủ án phí.

4. Chị Trương Thị Kim A, anh Bùi Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai